

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỚI BÌNH
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 51/2024/HNGĐ-ST
Ngày 23 - 04 - 2024
“V/v không công nhận quan hệ vợ chồng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa Phiên tòa: Ông Diệp Chí Nguyễn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Minh Việt

Ông Đinh Chí Hiền

- Thư ký Phiên tòa: Bà Đỗ Hồng Như – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thới Bình.

Trong ngày 23 tháng 04 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 99/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2024 về việc không công nhận quan hệ vợ chồng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1966;

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Cà Mau; (xin vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Việt H1, sinh năm 1958;

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Cà Mau; (xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Về hôn nhân: Bà H và ông H1 sống chung với nhau như vợ chồng, nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu, về sau phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không còn hạnh phúc và đã ly thân khoảng 01 năm. Nay bà H yêu cầu ly hôn với ông H1.

Ý kiến của ông H1: Ông H1 xác định về điều kiện chung sống và kết hôn đúng như bà H trình bày. Nay ông H1 thống nhất ly hôn theo yêu cầu của bà H.

Về con chung: Bà H và ông H1 xác định có 02 con chung tên Nguyễn Văn D, sinh năm 1986 và Nguyễn Thị Tú A, sinh năm 1992. Hiện các con đã trưởng thành nên không đặt ra yêu cầu về nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Bà H và ông H1 xác định tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Bà H và ông H1 xác định không có.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại Phiên tòa các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét đơn yêu cầu của bà Phạm Thị H về việc xin ly hôn với ông Nguyễn Việt H1 thuộc lĩnh vực hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 14, 53, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Ông H1 là bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình theo quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã cấp tổng đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập theo quy định cho các đương sự, bà H và ông H1 đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về hôn nhân: Bà H và ông H1 sống chung với nhau như vợ chồng, nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu, về sau phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không còn hạnh phúc và đã ly thân khoảng 01 năm. Nay bà H và ông H1 yêu cầu được chấm dứt hôn nhân với nhau.

Nhận thấy, theo quy định tại Điều 14, 53 của Luật hôn nhân và gia đình trong trường hợp nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, khi có yêu cầu ly hôn, chấm dứt hôn nhân thì Tòa án thụ lý, giải quyết tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng. Như vậy, trường hợp của bà H và ông H1 sống chung như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn, đã có yêu cầu ly hôn nên Tòa án thụ lý giải quyết tuyên bố về việc không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà H và ông H1.

[4] Về con chung: Bà H và ông H1 xác định có 02 con chung tên Nguyễn Văn D, sinh năm 1986 và Nguyễn Thị Tú A, sinh năm 1992. Hiện các con đã trưởng thành nên không đặt ra yêu cầu về nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Bà H và ông H1 xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Bà H và ông H1 đều xác định không có.

[7] Về án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình bà H nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 144, khoản 1 điều 147, 271, 273, 277 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 14, 53, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Việt H1.

Về con chung: Bà H và ông H1 xác định có 02 con chung tên Nguyễn Văn D, sinh năm 1986 và Nguyễn Thị Tú A, sinh năm 1992. Hiện các con đã trưởng thành nên không đặt ra yêu cầu về nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: Bà H và ông H1 xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Bà H và ông H1 xác định không có.

Án phí dân sự sơ thẩm Hôn nhân và gia đình: Bà H nộp số tiền 300.000đ.

Vào ngày 01/4/2024, bà H đã dự nộp 300.000đ theo biên lai số 0016093 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình được chuyển thu sung quỹ nhà nước.

Bà H và ông H1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THA dân sự h.Thới Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; án văn.

Diệp Chí Nguyễn